TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/6/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Linh;

Ông Lê Văn Lài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Lê Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 707/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Phương L, sinh năm 1991, số CCCD: 072191000510, cấp ngày 19/02/2025; địa chỉ nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã D, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Võ Văn M, sinh năm 1985; CCCD số 072085015815 cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Phương L trình bày:

Chị Trần Thị Phương L với anh Võ Văn M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C (nay là xã C), tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình. Hiện chị và anh M đã ly thân với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M .

Về con chung: có 01 con chung tên là Võ Ngọc Phương T, sinh ngày

09/07/2021, chị L yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Văn M: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh M đến Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng anh M có đơn xin vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành làm việc được nên không có lời khai, lời trình bày. Anh M không cung cấp tài liệu chứng cứ và không có đơn khởi kiện phản tố.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Trần Thị Phương L và anh Võ Văn M có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 228, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Phương L đối với anh Võ Văn M.

Chị Trần Thị Phương L được ly hôn với anh Võ Văn M .

Về con chung: giao con chung tên Võ Ngọc Phương T, sinh ngày 09/07/2021 cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Phương L và anh Võ Văn M có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh M .

[2] Về hôn nhân: chị Trần Thị Phương L và anh Võ Văn M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C (nay là xã C), tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và pháp luật bảo vệ từ ngày 10 tháng 11 năm 2021 .

Chị L yêu cầu được ly hôn với anh M vì lý do trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình. Hiện chị và anh M đã ly thân với nhau từ năm 2024 cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh M đã kéo dài nhiều năm, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị L và anh M có 01 con chung là cháu Võ Ngọc Phương T, sinh ngày 09/07/2021. Hiện cháu T đang được chị L chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng từ lúc vợ chồng sống ly thân, hiện nay cháu T phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định, cần tiếp tục giao chị L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Võ Văn M phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị L, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị Trần Thị Phương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 228, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương L đối với anh Võ Văn M về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

1. Về hôn nhân: chị Trần Thị Phương L được quyền ly hôn với anh Võ Văn M .

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Ngọc Phương T, sinh ngày 09/07/2021 cho chị Trần Thị Phương L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Võ Văn M phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh M có quyền thăm nom con chung. Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ghi nhận chị Trần Thị Phương L và anh Võ Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Phương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009263 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: chị Trần Thị Phương L và anh Võ Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV10;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân